

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 28 – 02 – 2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn
2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1969 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Th, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú B, thị trấn Mái D, huyện Châu Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Trước đây, bà và ông Huỳnh Văn N tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không thể hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 1993, thì bà Ng và ông N ly thân với nhau cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Huỳnh Văn N. Không công nhận bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Huỳnh Tuấn Vũ (nam) sinh ngày 01/01/1992. Hiện cháu Tuấn Vũ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông N vẫn không đến Tòa án. Do ông N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông Nam.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng và bị đơn ông Huỳnh Văn N vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng và ông N.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng; Về con chung: Đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Ng phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn N, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng và ông Nam.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Văn N do quen biết và tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà Ng và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ng khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa bà Ng và ông N là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó bà Ng và ông N đã sống ly thân với nhau từ năm 1993 đến nay. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, bà Ng đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía bà Ng vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông Nam. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án cho ý kiến về vụ kiện, chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông N có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Con đã trưởng thành nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Nam.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng.
3. Về con chung: Con đã trưởng thành nên không giải quyết.
4. Về tài sản chung: Không có.
5. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.
6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003398 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Bà Ng đã nộp xong.
7. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Phước A;
- UBND thị trấn Mái Dầm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Trường Đặng Thành Sơn

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Trường Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Thị Thúy Hương